

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **43/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 27-5-2024

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Phước Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;

2. Bà Nguyễn Kim Lý;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 454/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024 về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Viết H, sinh năm 1984

Địa chỉ thường trú: Số 17/132/11, đường N, phường H, thành phố H, tỉnh T

- Bị đơn: Bà Nguyễn Như Q, sinh năm 1986

Địa chỉ thường trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh T.

Địa chỉ tạm trú: Nhà trọ 7 Trung (Trần Thị Q), khu phố P, phường H, thành phố B, tỉnh B.

(Ông H và bà Q đều có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Trần Viết H trình bày:

Ông Trần Viết H và bà Nguyễn Như Q tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn ngày 08/3/2006 tại UBND xã Đ, huyện S, tỉnh T. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống.

Ông xác định vợ chồng không còn bất cứ tình cảm gì. Ông và bà Nguyễn Như Q đã sống ly thân 14 năm nay. Ông hiện đang sinh sống, làm việc tại thành phố H, tỉnh T. Bà Nguyễn Như Q thì đang sinh sống, làm việc tại phường Hòa L, thành phố B, tỉnh B. Các bên đã không còn sống chung và không quan tâm gì đến nhau.

Quá trình sống chung, vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Viết H1, sinh ngày 17/10/2006. Hiện cháu H1 đang sống cùng địa chỉ với bà Nguyễn Như Q. Cháu H1 đang đi làm việc tại KCN K, thành phố T, tỉnh B.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Như Q.

- Về con chung: Hiện cháu H1 đã gần đủ 18 tuổi và đã đi làm việc, có thu nhập ổn định. Ông đồng ý để cháu H1 tiếp tục sống chung với bà Q. Ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông cũng xin được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại TAND thành phố Bến Cát.

2. Theo Đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 10/5/2024, bị đơn bà Nguyễn Như Q trình bày:

Bà đã nhận Thông báo thụ lý vụ án. Đã được Tòa án cho tiếp cận Đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo.

Bà xác định vợ chồng không còn bất cứ tình cảm gì. Bà và ông Trần Viết H đã sống ly thân 14 năm nay. Ông H đang sinh sống, làm việc tại thành phố H, tỉnh T. Bà thì đang sinh sống, làm việc tại phường H, thành phố B, tỉnh B. Vợ chồng đã không còn sống chung và không quan tâm gì đến nhau. Bà thống nhất về thời điểm kết hôn, con chung, mâu thuẫn mà ông H trình bày trong đơn.

Quá trình sống chung, vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Viết H1, sinh ngày 17/10/2006. Hiện cháu H1 đang sống cùng địa chỉ với bà. Cháu H1 đang đi làm việc tại KCN K, thành phố T, tỉnh B.

Nay trước yêu cầu xin ly hôn của ông H thì bà đồng ý ly hôn.

Về con chung, bà đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hiện cháu H1 còn gần 05 tháng là đủ 18 tuổi và cũng đã có công việc làm, thu nhập ổn định.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà cũng xin được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại TAND thành phố Bến Cát.

*** Kiểm sát viên đại diện VKSND thành phố Bến Cát phát biểu quan điểm:**

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã có ý kiến trình bày và cùng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do vậy, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để tiến Hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét mâu thuẫn giữa các đương sự đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu được ly hôn với bị đơn.

+ Về con chung: Đề nghị giao cháu Trần Viết H1, sinh ngày 17/10/2006 cho bà Nguyễn Như Q chăm sóc, nuôi dưỡng. Đồng thời, ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Như Q về việc không yêu cầu ông Trần Viết H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có tranh chấp, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng:

Các đương sự có tranh chấp về ly hôn. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại khu phố P, phường H, thành phố B, tỉnh B, nên vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Xét nguyên đơn và bị đơn đã có ý kiến trình bày đầy đủ và đã có đơn xin xét xử vắng mặt, nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét ông H và bà Q tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện S, tỉnh T vào ngày 08/3/2006, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà Q đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Phía bà Q cũng có ý kiến là đồng ý ly hôn với ông H. Do vậy, việc ông H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Q là có căn cứ chấp nhận (theo quy định tại các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và đình năm 2014).

Về con chung: Các đương sự đều thống nhất và đề nghị giao cháu Trần Viết H1, sinh ngày 17/10/2006 cho bà Nguyễn Như Q tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Đồng thời, HĐXX cũng ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn bà Nguyễn Như Q về việc không yêu cầu nguyên đơn ông Trần Viết H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung, quá trình tố tụng các đương sự không tranh chấp, không có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn ông Trần Viết H phải nộp theo quy định pháp luật.

[5] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, đúng quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 28, 35, 39, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều: 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Viết H đối với bị đơn bà Nguyễn Như Q về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn ông Trần Viết H được ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Như Q.

- Về con chung: Giao giao cháu Trần Viết H1, sinh ngày 17/10/2006 cho bà Nguyễn Như Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Như Q về việc không yêu cầu ông Trần Viết H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông H và bà Q đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Ông H được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Trần Viết H phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng theo Biên lai tạm ứng án phí số 0001116 ngày 07/5/2024 của Chi cục THADS thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều: 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND xã Đ, huyện S, tỉnh T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Phước Thành